**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**----------------------------------------**

**NGUYỄN THỊ THẮNG**

**NGHIÊN CỨU TRẦN THUẬT VỀ SỰ THAM KẾT TRONG VIỆC HỌC TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Lí luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh**

**Code: 9140231.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Ngành : Lí luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh**

**Hà Nội, 2024**

Công trình được hoàn thành tại: Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc gia Hà nội

Người hướng dẫn khoa học:

Hướng dẫn 1: PGS.TS. Lê Văn Canh

 Hướng dẫn 2: TS. Vũ Thị Thanh Nhã

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ họp tại:

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

vào hồi giờ ngày tháng năm 2024

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

CHAPTER 1: INTRODUCTION

**1.1. Cơ sở lý luận của nghiên cứu**

Sự tham kết tích cực đảm bảo quá trình học tập có ý nghĩa thông qua việc tham kết một cách chủ động vào cả hoạt động trong lớp học và các hoạt động tại trường. Nhiều chuyên gia giảng dạy ngôn ngữ đồng ý rằng không thể đạt được sự thành thạo trong kỹ năng ngôn ngữ giao tiếp mà không có sự tham kết đáng kể vào thực hành giao tiếp. Điều này đòi hỏi sự tham kết nhiệt tình của người học: học sinh phải bước ra khỏi vùng an toàn của mình và chủ động tham kết vào những trải nghiệm thường là khó khăn và căng thẳng. Tuy nhiên, sự tham kết vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ trong lĩnh vực học tập và giảng dạy ngôn ngữ thứ hai (L2), đặc biệt là sự tham kết của người học trong môi trường học trực tuyến trong giai đoạn giảng dạy từ xa khẩn cấp (ERT) nhằm ứng phó với sự bùng phát của đại dịch COVID-19. Sự thiếu hụt những nghiên cứu này đã truyền cảm hứng cho tôi thực hiện nghiên cứu về khái niệm này, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi cấp bách của giảng dạy tiếng Anh (ELT) sang trực tuyến trong thời kỳ đại dịch COVID-19 tại Việt Nam.

**1.2. Xác định vấn đề nghiên cứu**

Về phương pháp, hầu hết các nghiên cứu về sự tham kết của người học đều sử dụng các phương pháp như bảng câu hỏi khảo sát, quan sát và phỏng vấn. Bên cạnh những hạn chế vốn có của các phương pháp này trong việc điều tra sự tham kết của người học, còn có những vấn đề khác khi sử dụng các phương pháp này để khám phá sự tham kết của người học trong việc học tiếng Anh trực tuyến trong giai đoạn giảng dạy từ xa khẩn cấp trong thời gian giãn cách xã hội và phong tỏa do đại dịch COVID-19. Trong bối cảnh như vậy, nghiên cứu trần thuật - một phương pháp trong đó nhà nghiên cứu sử dụng câu chuyện về những trải nghiệm của con người như là dữ liệu nghiên cứu, một công cụ phân tích dữ liệu hoặc cách thức trình bày kết quả, đã được áp dụng trong nghiên cứu này. Tôi tin rằng phương pháp nghiên cứu này phù hợp hơn với mục tiêu của nghiên cứu, nhằm hiểu rõ hơn về trải nghiệm của người học trong việc học tiếng Anh như một môn học bắt buộc trực tuyến trong giai đoạn giảng dạy online thời đại dịch Covid-19.

**1.3. Mục tiêu và mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

* Điều tra mức độ tham kết như một khái niệm đa diện và phụ thuộc vào bối cảnh của sinh viên trong học tập trực tuyến trong một khóa học tiếng Anh trực tuyến tại một trường đại học ở Việt Nam.
* Khám phá sâu các yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng đến sinh viên không chuyên tiếng Anh trong môi trường học tập ảo trong bối cảnh đại dịch COVID-19.
* Đề xuất các khuyến nghị cho việc giảng dạy và học tập tiếng Anh trực tuyến trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam, nơi tiếng Anh được giảng dạy như một môn học không chuyên.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu

(a) Sinh viên đã tham kết về mặt hành vi, nhận thức và cảm xúc như thế nào trong quá trình học trực tuyến trong đại dịch COVID-19 như được thể hiện trong các trần thuật của họ?

(b) Những yếu tố tiềm ẩn nào định hình sự tham kết về hành vi, nhận thức và cảm xúc của sinh viên như được thể hiện trong các trần thuật của họ?

(c) Những khuyến nghị chính nào cho việc dạy và học tiếng Anh trực tuyến trong giáo dục đại học tại Việt Nam?

**1.5. Phạm vi của nghiên cứu**

Nghiên cứu này tập trung vào sự tham kết của người học, được khung lý thuyết hóa trong ba khía cạnh: tham kết về hành vi, nhận thức và cảm xúc trong quá trình học tập trực tuyến bắt buộc, và cách mà sự tham kết của họ được hình thành bởi cả các yếu tố cá nhân và bối cảnh thông qua các trần thuật của họ. Theo Bakhuizen và Wette (2008), trần thuật là những câu chuyện mà người tham gia kể bằng chính giọng điệu của họ để hiểu rõ hơn về những trải nghiệm của mình. Do đó, trần thuật là cánh cửa để nhà nghiên cứu có thể hiểu được những trải nghiệm chủ quan của người tham gia.

Những hạn chế của nghiên cứu này bao gồm số lượng người tham gia lấy số liệu và bối cảnh, được giới hạn trong một trường đại học ở Việt Nam và chỉ liên quan đến sinh viên không chuyên. Hơn nữa, luận án không đề cập đến kết quả đầu ra của sự tham kết của sinh viên trong học tập trực tuyến. Điều này mở ra một hướng nghiên cứu mới trong tương lai để khám phá mối tương quan giữa mức độ tham kết và kết quả học tập. Ngoài ra, việc xem xét mối quan hệ giữa các khía cạnh của sự tham kết nằm ngoài phạm vi của nghiên cứu này. Do đó, nghiên cứu không thể hoàn toàn nắm bắt được tính phức tạp và tính động của sự tham kết.

**1.6. Ý nghĩa của nghiên cứu**

Nghiên cứu này đóng góp vào kiến thức về sự tham kết trong học tập trực tuyến của sinh viên không chuyên tiếng Anh trong giáo dục đại học tại Việt Nam ở một số lĩnh vực chính.

Thứ nhất, nó đóng góp vào việc hiểu rõ tính chất phụ thuộc vào bối cảnh của sự tham kết trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh (ELT/EFL) trong học tập trực tuyến. Bằng cách sử dụng trần thuật, nghiên cứu này làm sáng tỏ lĩnh vực mới được chú ý này và nhằm mở rộng kiến thức hiện có trong lĩnh vực đó.

Là một nghiên cứu định tính khám phá, nghiên cứu này cung cấp những hiểu biết quý giá về sự tham kết của người học trong học tập trực tuyến, đặc biệt có liên quan đối với các giáo viên EFL khi định hướng giảng dạy trong môi trường ảo. Những hiểu biết này đóng góp vào việc hiểu sâu hơn về sự tham kết của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Việt Nam, qua đó làm phong phú thêm lý thuyết về sự tham kết trong giảng dạy tiếng Anh (ELT/EFL) trong học tập trực tuyến và định hướng cho các đường hướng nghiên cứu trong tương lai.

**1.7. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu được thực hiện tại một trường đại học ở Việt Nam, nơi tiếng Anh là môn học không chuyên và bắt buộc. Nghiên cứu tập trung vào việc khám phá sự tham kết như một khái niệm đa diện và phụ thuộc vào bối cảnh, cùng với các yếu tố tiềm ẩn định hình sự tham kết của sinh viên trong bối cảnh cụ thể này. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là Nghiên cứu trần thuật. Công cụ thu thập dữ liệu định tính là khung trần thuật, một mẫu câu chuyện viết bao gồm một loạt các câu chưa hoàn chỉnh và các khoảng trống có độ dài khác nhau. Nó được cấu trúc dưới dạng một câu chuyện với hình thức cơ bản. Mục đích là để người trả lời tạo ra một câu chuyện mạch lạc bằng cách điền vào các khoảng trống dựa trên trải nghiệm của họ và những suy ngẫm về chúng. Phân tích chủ đề với sự kết hợp giữa mã hóa suy diễn và quy nạp được chọn làm công cụ phân tích dữ liệu trong nghiên cứu để tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu. Ngoài ra, các cuộc phỏng vấn tiếp theo được sử dụng như một phương pháp kiểm tra thành viên để xác nhận ý nghĩa sâu sắc của những trải nghiệm của họ, đảm bảo rằng việc diễn giải các ý nghĩa này được nhà nghiên cứu diễn giải và áp dụng chính xác, đồng thời cung cấp cơ hội cho người tham gia mở rộng câu trả lời của họ. Mặc dù có những hạn chế của nghiên cứu định tính khám phá, nghiên cứu này đóng góp đáng kể vào kiến thức về sự tham kết trực tuyến của sinh viên không chuyên tiếng Anh trong giáo dục đại học tại Việt Nam.

1.8. Cấu trúc của luận án

Luận án này được tổ chức một cách hệ thống thành sáu chương, bao gồm: Chương 1 (Giới thiệu), Chương 2 (Tổng quan tài liệu), Chương 3 (Phương pháp nghiên cứu), Chương 4 (Kết quả nghiên cứu), Chương 5 (Thảo luận về kết quả nghiên cứu), Chương 6 (Kết luận). Các phần tiếp theo sau Chương 6 bao gồm Danh mục các nghiên cứu đã công bố, Tài liệu tham khảo và Phụ lục.

**CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU**

Chương 2 cung cấp những đánh giá có tính phản biện về các tài liệu liên quan đến các khía cạnh của sự tham kết (ví dụ: khái niệm về các thuật ngữ chính, tổng quan về các khung lý thuyết trước đây và các nghiên cứu trước đó).

**2.1. Khái niệm hóa sự tham kết của người học**

Thuật ngữ "tham kết" đã được đề cập theo nhiều cách khác nhau trong tài liệu. Sự khác biệt này là do cách nhìn nhận sự tham kết trong các bối cảnh cụ thể, cũng như cách mà nó có thể bị ảnh hưởng và liên quan đến môi trường giáo dục. Nghiên cứu hiện tại là một nghiên cứu trần thuật về sự tham kết của một nhóm sinh viên đại học không chuyên tiếng Anh tại Việt Nam trong quá trình học tập trực tuyến trong đại dịch COVID-19. Do đó, ba khía cạnh của sự tham kết của người học, bao gồm tham kết về hành vi, nhận thức và cảm xúc, đã được khám phá một cách riêng biệt, mặc dù mối quan hệ giữa chúng không bị bỏ qua khi thảo luận về kết quả nghiên cứu.

2.2. Các đặc điểm của khái niệm tham kết

Theo Helena và cộng sự (2021), khái niệm tham kết mang tính chất linh hoạt. Nghĩa là, các đặc điểm của các khía cạnh hành vi, nhận thức và cảm xúc liên quan đến từng chủ thể thay đổi theo từng cá nhân và bối cảnh. Nói cách khác, sự tham kết thay đổi tùy thuộc vào môi trường học tập và chất lượng trải nghiệm của sinh viên (Shernoff và cộng sự, 2017). Như Fedrick và cộng sự (2004) đã gợi ý, tham kết có tính chất biến đổi; nghĩa là nó phát triển phù hợp với những ảnh hưởng xã hội, bối cảnh và văn hóa tác động lên nó, do đó có thể thay đổi thông qua các can thiệp được lập kế hoạch cho mục đích này. Tuy nhiên, nhiều chi tiết về cách bối cảnh có thể ảnh hưởng đến các khía cạnh của sự tham kết vẫn còn gây tranh cãi và cần được nghiên cứu thêm.

**2.3. Tham kết như một khái niệm đa diện**

Tham kết có thể được xem như một khái niệm hai, ba hoặc bốn chiều tùy thuộc vào mục đích của các nhà nghiên cứu. Trong bối cảnh của nghiên cứu này, tham kết ba chiều bao gồm hành vi, nhận thức và cảm xúc (tình cảm) được áp dụng. Mercer (2019, trang 4) đề xuất rằng "tham kết thực sự đòi hỏi phải có đủ ba thành phần". Trong học tập thực tế, có thể học sinh chỉ tham kết một phần vào việc học (ví dụ: họ tham kết về mặt hành vi và thực hiện đúng nhiệm vụ nhưng chỉ làm qua loa để trông có vẻ bận rộn), trong khi họ thiếu sự tham kết về mặt nhận thức và cảm xúc trong việc học.

**2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham kết của người học**

Các nghiên cứu hiện nay đã chỉ ra một loạt các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham kết của sinh viên trong học tập nói chung và trong học tập trực tuyến nói riêng. Những yếu tố này có thể được phân loại rộng rãi thành các yếu tố bên trong (tức là các yếu tố liên quan đến người học như một cá nhân về mặt tâm lý) và các yếu tố bên ngoài (tức là các yếu tố nằm ngoài cá nhân người học nhưng nằm trong bối cảnh học tập và ảnh hưởng đến người học theo nhiều cách khác nhau).

**2.5. Các dấu hiệu nhận biết của sự tham kết của người học trong học tập trực tuyến**

Tóm lại, trong nghiên cứu này, sự tham kết được vận hành như một khái niệm đa diện bao gồm ba thành phần phụ thuộc lẫn nhau: hành vi, cảm xúc, và nhận thức.Tham kết hành vi đề cập đến sự chú ý, nỗ lực, và kiên trì của sinh viên khi tham gia vào hoạt động học tập.Tham kết cảm xúc liên quan đến sự hiện diện của các cảm xúc tích cực (ví dụ: hứng thú) và sự vắng mặt của các cảm xúc tiêu cực (ví dụ: lo lắng) trong quá trình tham gia nhiệm vụ.Tham kết nhận thức đề cập đến việc sử dụng các chiến lược học tập sâu như mở rộng kiến thức thay vì các chiến lược học tập nông như ghi nhớ khi sinh viên cố gắng học tập.

**2.6. Các nghiên cứu về sự tham kết của người học trong việc học ngôn ngữ thứ hai (L2)**

***2.6.1. Sự tham kết của người học ngôn ngữ trong các lớp học trực tiếp***

Zhang (2020) đã sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp để xem xét sự tham kết của một người học ngôn ngữ trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai – tiếng Quảng Đông – nhằm kiểm tra mối quan hệ giữa sự tham kết của người học với thành công trong việc học ngôn ngữ. Phân tích các trần thuật của người học cho thấy rằng mối quan hệ tương tác động giữa tham kết hành vi, cảm xúc và nhận thức với các nhiệm vụ học ngôn ngữ, bối cảnh, và mục tiêu đã có tác động tích cực đến sự thành công trong việc học của người học.

Một nghiên cứu trần thuật khác được thực hiện bởi Hiver và cộng sự (2020) sử dụng các trần thuật tự truyện được cung cấp bởi 41 sinh viên đại học học các ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Ả Rập, tiếng Quan Thoại, tiếng Tây Ban Nha) thông qua các cuộc phỏng vấn. Các tác giả báo cáo rằng các khía cạnh cảm xúc, động lực, và nhận thức trong các trần thuật mang tính chất thời điểm của người học có liên quan đến những điều chỉnh đặc trưng quan trọng đối với môi trường học tập.

***2.6.2. Các nghiên cứu về sự tham kết của người học EFL trong học tập trực tuyến***

Trong môi trường trực tuyến, sự tham kết của sinh viên liên quan đến thời gian và công sức mà họ dành cho quá trình học tập trực tuyến (Ma và cộng sự, 2015). Zheng và cộng sự (2018) chỉ ra rằng người học tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) cần phụ thuộc vào một loạt các kỹ năng hành vi, nhận thức, và cảm xúc để kiên trì và hoàn thành các nhiệm vụ học tập của ngôn ngữ mục tiêu khi tham gia các khóa học trực tuyến. Trong môi trường học tập trực tuyến, tham kết hành vi đề cập đến các hành vi học tập như đặt câu hỏi và tham gia vào các giao tiếp trực tuyến; tham kết nhận thức liên quan đến những nỗ lực về mặt nhận thức mà người học đã dành ra để tiếp thu kiến thức phức tạp hoặc phát triển các kỹ năng cụ thể trong quá trình học trực tuyến, trong khi tham kết cảm xúc tập trung vào những cảm xúc tích cực của sinh viên đối với giáo viên, bạn học, và/hoặc các khóa học trực tuyến (Jung & Lee, 2018; Jeongju Lee và cộng sự, 2019).

*2.6.3. Nghiên cứu về Sự Tham kết của Người Học Ngôn ngữ Trực tuyến tại Việt Nam*

Sau khi đại dịch Covid-19 bùng phát, chủ đề về sự tham kết của người học đã thu hút sự chú ý của một số nhà nghiên cứu tại Việt Nam. Các nhà nghiên cứu này quan tâm đến việc tìm ra các chiến lược giảng dạy có thể nâng cao sự tham kết của người học trực tuyến. Ví dụ, Thùy Linh Lê (2020) đã sử dụng nhật ký điện tử và phỏng vấn để khám phá cách thức gamification (sử dụng game trong dạy học) ảnh hưởng đến sự tham kết của sinh viên trong học tập trực tuyến. Kết quả cho thấy rằng người học tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai (ESL) đạt được sự tham kết sâu hơn trong một lớp học kết hợp có tổ chức các hoạt động trò chơi, bao gồm tham kết về hành vi, cảm xúc và nhận thức. Nghiên cứu này đã được tiếp nối bởi các nhà nghiên cứu khác (Diệu Ngọc Nguyễn, Trần Lê Nghị Trân, 2019; Minh Mai Tiến và cộng sự, 2020; Mỹ Linh Hồ Thị và Bảo Khuyên Nguyễn Thị, 2022), đã báo cáo về ảnh hưởng của các chiến lược giảng dạy hoặc tài liệu số đến sự tham kết của sinh viên trong học tập trực tuyến.

Một hướng nghiên cứu khác đã tập trung vào việc phân tích sự tham kết trong bối cảnh giảng online do đại dịch Covid 19 (ERT). Thanh Hà Lê và cộng sự (2021) đã phân tích sự tham kết của sinh viên trong môi trường ERT do đại dịch Covid-19 gây ra. Trong nghiên cứu của mình, họ đã sử dụng bảng câu hỏi khảo sát và quan sát làm công cụ thu thập dữ liệu để kiểm tra các khía cạnh tham kết giữa người học và nội dung (quá trình tương tác với tài liệu một cách thông minh để cải thiện sự hiểu biết, góc nhìn hoặc cấu trúc nhận thức của người học); giữa người học và người học (việc trao đổi thông tin và ý tưởng diễn ra giữa các sinh viên về khóa học, dù có sự hiện diện của giảng viên hay không); và giữa người học và giảng viên (giảng viên cung cấp thông tin, khuyến khích người học hoặc đưa ra phản hồi. Người học có thể tương tác với giảng viên bằng cách đặt câu hỏi hoặc giao tiếp với giảng viên về các hoạt động của khóa học). Kết quả định lượng cho thấy sự tham kết giữa người học và giảng viên là mạnh nhất trong ba loại hình, và sự thiếu tương tác với bạn bè là hiện tượng được cho là thấy rõ nét nhất.

Về sự tham kết của sinh viên không chuyên tiếng Anh trong môi trường ảo, một số nghiên cứu thực nghiệm đã gợi mở một phần bức tranh về sự tham kết trong bối cảnh này, có nét tương đồng với môi trường học tập trực tiếp. Trang Nguyễn (2022) đã tiến hành một nghiên cứu khảo sát trong đó sinh viên không chuyên tiếng Anh được phát hiện là không mấy hứng thú với các lớp học trực tuyến. Kết quả tổng thể cho thấy sự tham kết (về hành vi, nhận thức và cảm xúc) không cao. Đáng buồn hơn, lĩnh vực nhận thức lại khá thấp. Như đã biết, trong giáo dục đại học, sinh viên được kỳ vọng sử dụng bộ não một cách chủ động và mang tính nhận thức. Sinh viên có thể hiểu được bài giảng, nhưng họ không hứng thú với những thử thách. Các sinh viên thừa nhận rằng họ có ít sự tham gia vào các hoạt động trong lớp và gặp khó khăn trong việc tập trung vào bài học.

Phần tổng quan được trình bày ở đây đã chỉ ra rằng nghiên cứu về sự tham kết của người học EFL trong học tập trực tuyến vẫn còn rất ít, đặc biệt là trong giáo dục đại học ở Việt Nam. Khi học tập trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến trong thời đại công nghệ số, thiếu hụt về nghiên cứu này cần được xem xét. Về phương pháp luận, hầu hết các nghiên cứu đã báo cáo về sự tham kết của người học đều sử dụng phương pháp khảo sát với bảng câu hỏi và phỏng vấn là các công cụ thu thập dữ liệu chính. Mặc dù giá trị của các công cụ này không thể phủ nhận, nhưng chúng có những hạn chế riêng, hạn chế rõ ràng nhất là việc không thể thu thập thông tin sâu về những trải nghiệm sống của sinh viên. Việc áp dụng nghiên cứu trần thuật trong nghiên cứu này là một nỗ lực nhằm bổ sung cho những thiếu hụt về phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực này.

**2.7. Khung lý thuyết về sự tham kết trong học tập trực tuyến: Thuyết tự quyết (SDT)**

Thuyết tự quyết (SDT), được đề xuất bởi Deci và Ryan (1985), là một lý thuyết cấp độ vĩ mô về động lực của con người, nhằm giải thích các động lực của nhu cầu, động lực và sự phát triển tâm lý của con người trong bối cảnh xã hội. Lý thuyết này cho rằng mọi cá nhân đều sở hữu ba nhu cầu tâm lý phổ quát và cơ bản—tự chủ (cảm giác tự quản và tự quyết), năng lực (cảm giác có năng lực và hiệu quả) và kết nối (cảm giác kết nối, yêu thương, tương tác)—điều khiển hành động hoặc không hành động của họ. Cá nhân trải nghiệm sự phát triển tâm lý cao hơn thông qua việc thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý này và ngược lại cảm thấy rất rời rạc, cô lập, và phản ứng khi nhu cầu của họ không được đáp ứng. Khi các phương pháp sư phạm giải quyết thỏa đáng các nhu cầu tâm lý này, học sinh được động viên tích cực tham kết vào các nhiệm vụ học tập (Hsu và cộng sự, 2019). Các lớp học hỗ trợ ba nhu cầu tâm lý này có nhiều khả năng thu hút học sinh tham gia học tập hơn (Reeve, 2013). Theo đó, lý thuyết này có thể giải thích tác động của sự hỗ trợ dựa trên nhu cầu đối với động lực, sự tham kết và học tập của học sinh. Trong nghiên cứu về sự tham kết của người học, "SDT giải quyết cách thức các nguồn lực bên trong của học sinh tương tác với các điều kiện trong lớp học để dẫn đến các mức độ tham kết khác nhau của học sinh" (Reeve 2012, trang 152).

SDT đã được công nhận là một khung lý thuyết rộng rãi được chấp nhận và sử dụng để nghiên cứu và giải thích các mối quan hệ phức tạp giữa môi trường, động lực cá nhân và hành vi trong các bối cảnh khác nhau, bao gồm cả bối cảnh giáo dục (Azila-Gbettor & Abiemo, 2020). SDT giải quyết cách thức các nguồn lực bên trong của học sinh tương tác với các điều kiện trong lớp học để dẫn đến các mức độ tham kết khác nhau của học sinh (Reeve, 2013).

Theo Reeve (2013), mối quan hệ giữa các nguồn lực động lực bên trong của học sinh và các yếu tố thuận lợi trong bối cảnh học tập là một mối quan hệ hai chiều. Mối quan hệ này được minh họa dưới đây:

 *Hình 2.1. Các nguồn động lực của sinh viên và môi trường học tập của họ (Reeve, 2013, trang 158)*

**Cách giảng dạy truyền động lực của giáo viên**

Mối quan hệ với giáo viên

Mối quan hệ với bạn bè

Các ảnh hưởng của yếu tố văn hóa

Những kì vọng

Những thông lệ

Các giá trị

Các yếu tố bên ngoài

Phần thưởng

Mục tiêu

Phản hồi

Đánh giá

Các điều kiện lớp học

Các hoạt động thú vị

Những thử thách tối ưu

Môi trường học tập phong phú

**Các yếu tố bên ngoài**

**Các mối quan hệ**

**Môi trường học tập**

Các giá trị tự nhận thức

Các mục tiêu bên trong

Các khát vọng cá nhân

Khuynh hướng chủ động để đạt kết quả

**Nguồn động lực bên ngoài**

Động lực bên trong

Các nhu cầu tâm lý

Tự chủ

Năng lực

Kết nối

**Nguồn động lực bên trong**

**Động lực của người học**

**Sự tham kết cao trong các hoạt động học tập**

**Tóm tắt chương**

Chương này đã tổng quan các nghiên cứu trước đây về sự tham kết, đặc biệt là trong bối cảnh học tập trực tuyến. Chương đã nhấn mạnh một khoảng trống trong nghiên cứu, chỉ ra rằng các thảo luận về sự tham kết trong ngôn ngữ thứ hai (L2) vẫn còn hạn chế, như Mercer và Dörnyei (2020) đã đề cập. Về phương pháp nghiên cứu, phần tổng quan này cho thấy sự thống trị của bảng câu hỏi như là công cụ nghiên cứu chính trong việc nghiên cứu sự tham kết của người học EFL, cả trong bối cảnh học tập trực tiếp và trực tuyến. Mặc dù bảng câu hỏi là một phương pháp hữu ích có thể được sử dụng để thu thập thông tin cần thiết từ các báo cáo tự thuật của người tham gia nghiên cứu, nhưng nó không cung cấp được thông tin chính xác về cách mà người tham gia hiểu và cảm nhận về những trải nghiệm sống của họ. Do đó, nghiên cứu này đã sử dụng các trần thuật của sinh viên như là nguồn thông tin chính về cách họ tham kết trong việc học tiếng Anh như một môn học bắt buộc trong bối cảnh chuyển đổi đột ngột sang học trực tuyến trong đại dịch COVID-19. Về mặt lý thuyết, nghiên cứu này sử dụng Thuyết tự quyết (SDT), một lý thuyết hiếm khi được sử dụng trong các nghiên cứu về sự tham kết của người học, làm khung lý thuyết cho nghiên cứu. Ryan và Deci (2020), tác giả của lý thuyết này, đã đề xuất rằng các nghiên cứu SDT trong tương lai nên xem xét kỹ hơn cách các công nghệ trong e-learning và lớp học từ xa thúc đẩy sự tham kết và học tập của sinh viên. Với sự sử dụng lý thuyết này, nghiên cứu đóng góp cho những hiểu biết khám phá về cách sinh viên tham kết trong học tập trực tuyến trong thời kỳ đại dịch và các yếu tố, cả về mặt cá nhân và bối cảnh, đã ảnh hưởng đến sự tham kết của họ thông qua những câu chuyện của chính họ.

**CHƯƠNG III: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**3.1. Bối cảnh nghiên cứu**

***3.1.1. Mô tả khóa học***

Khóa học tiếng Anh liên quan đến nghiên cứu này được thiết kế và giảng dạy bởi một trường đại học ở Việt Nam. Khóa học này ở mức độ A2 và nhằm giúp sinh viên, những người đang học tiếng Anh như một môn học không chuyên bắt buộc trong chương trình giảng dạy của trường, đạt được trình độ tiếng Anh B1 (theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung Châu Âu - CEFR) trước khi tốt nghiệp.

***3.1.2. Bối cảnh trong nhà trường và xã hội***

*Đặc điểm của sinh viên trong trường*

Sinh viên tại trường đại học này không chuyên về ngôn ngữ. Do đó, khi nhập học, trình độ tiếng Anh của họ còn hạn chế. Hầu hết sinh viên khi vào trường đều có trình độ tiếng Anh ở mức A1 hoặc A2 (theo CEFR).

*Bối cảnh xã hội*

Nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh đại dịch COVID-19 bùng phát. Không lâu sau khi virus corona mới năm 2019 xuất hiện và từ một dịch bệnh trở thành đại dịch toàn cầu, học kỳ thứ hai tại trường đại học này vừa mới bắt đầu. Sự chuyển đổi đột ngột sang giảng dạy trực tuyến "bắt buộc" đã gây ra một số cú sốc cho cả giáo viên và sinh viên, đặc biệt là khi cả giáo viên và sinh viên đều có ít hoặc không có kinh nghiệm về học tập trực tuyến.

**3.2. Người tham gia nghiên cứu**

Trong nghiên cứu này có mười ba sinh viên tham gia gồm các chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Hệ thống Điện, Tự động hóa Hệ thống Điện, Kiểm toán, Tự động hóa và Điều khiển Thiết bị Công nghiệp, Logistic, Viễn thông, đã được mời tham gia trên cơ sở có sự lựa chọn để thu thập dữ liệu cho nghiên cứu này. Những người tham gia này nằm trong số các sinh viên đã đăng ký khóa học tiếng Anh bắt buộc (GE) như một phần của chương trình giảng dạy của trường đại học. Phương pháp chọn mẫu có chủ đích là một kỹ thuật được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu định tính để xác định và lựa chọn các trường hợp giàu thông tin nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực hạn chế (Patton, 2002).

**3.3. Thiết kế nghiên cứu**

***3.3.1. Mô thức nghiên cứu***

Dựa trên thảo luận về các mô thức nghiên cứu khác nhau, mô thức xã hội kiến tạo, với sự tập trung vào “các thực thể tự nhiên dựa trên bản chất xã hội kiến tạo” và “cách mà trải nghiệm xã hội được tạo ra và được trao cho ý nghĩa” (Denzin & Lincoln, 2011, trang 8), là phù hợp cho nghiên cứu hiện tại. Sự tham kết không chỉ là một khái niệm đa diện và phụ thuộc vào bối cảnh mà còn mang những đặc điểm của tính biến đổi và phức tạp (Christenson và cộng sự, 2012; Pianta và cộng sự, 2012; Shernoff, 2013). Do đó, để hiểu mức độ tham kết của sinh viên trong môi trường ảo và cung cấp một lời giải thích cho hiện tượng này, mục tiêu chính của nghiên cứu dùng lăng kính của chủ nghĩa kiến tạo để hiểu bản chất phức tạp của thế giới xã hội từ nhiều góc nhìn và qua nhiều lăng kính phương pháp luận khác nhau, mỗi góc nhìn đều mang lại những hiểu biết phần nào nhưng có giá trị (Creswell, 2014).

Trong một nghiên cứu định tính như nghiên cứu hiện tại, cần thiết phải thảo luận về các điểm sau:

*Độ tin cậy:* Độ tin cậy đề cập đến việc báo cáo nghiên cứu, điều này phải rõ ràng và minh bạch về mục đích nghiên cứu, quy trình nghiên cứu, cũng như quá trình thu thập và phân tích dữ liệu. Nói cách khác, nhà nghiên cứu định tính được mong đợi cung cấp mô tả, giải thích và biện minh đầy đủ cho phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu (Kitto và cộng sự, 2008). Trong nghiên cứu này, các chi tiết của quy trình nghiên cứu bao gồm lý do lựa chọn phương pháp nghiên cứu, các phương pháp thu thập dữ liệu cũng như quá trình phân tích và diễn giải dữ liệu được cung cấp đầy đủ.

*Độ xác thực:* Độ tin cậy là tiêu chí để đánh giá giá trị thực sự hoặc độ tin cậy bên trọng của nghiên cứu định tính. Một nghiên cứu định tính được coi là có tính xác thực khi kết quả của nó, được trình bày với mô tả đầy đủ về bối cảnh, có thể nhận ra được đối với những người đã trải nghiệm hoặc những người quan tâm và chăm sóc họ. Để đạt được tính xác thực, nghiên cứu này cung cấp thông tin ngữ cảnh liên quan, được sử dụng để hỗ trợ việc diễn giải dữ liệu. Để tối đa hóa độ xác thực của nghiên cứu, kiểm tra thành viên được bao gồm trong quá trình phân tích dữ liệu của nghiên cứu. Theo Merriam (2019), mục đích của kiểm tra thành viên là đưa phân tích ban đầu của bạn trở lại cho một số người tham gia và hỏi xem liệu cách diễn giải của bạn có "phù hợp" hay không (trang 217). Các cuộc phỏng vấn tiếp theo sau quá trình thu thập dữ liệu trong nghiên cứu này nhằm làm rõ bất kỳ sự không rõ ràng nào mà người tham gia có thể gây ra cho nhà nghiên cứu và xác minh tính nhất quán của các câu trả lời của họ theo thời gian. Điều này đảm bảo tính hợp lệ của nghiên cứu và độ tin cậy của dữ liệu, vì người tham gia có thể đưa ra các câu trả lời khác nhau cho cùng một câu hỏi vào những thời điểm khác nhau.

*Tính áp dụng hoặc khả năng khái quát hóa:* Tính áp dụng hoặc khả năng khái quát hóa đề cập đến khả năng chuyển giao kết quả nghiên cứu sang các bối cảnh tương tự khác ngoài bối cảnh nghiên cứu. Trong nghiên cứu định lượng, tiêu chí này được gọi là độ tin cậy bên ngoài. Như đã nêu trước đó, trong nghiên cứu này, tôi đã mô tả chi tiết về những người tham gia nghiên cứu và bối cảnh nghiên cứu nhằm giúp người đọc có thể chuyển giao thông tin sang các bối cảnh khác và xác định liệu kết quả của nghiên cứu này có thể được chuyển giao nhờ vào các đặc điểm chung hay không (Creswell, 1998).

*Tính phụ thuộc của kết quả:* Tính phụ thuộc là tiêu chí để đánh giá độ tin cậy. Điều này không có nghĩa là kết quả tương tự sẽ nhất thiết được tìm thấy ở các bối cảnh khác, mà là, với cùng một dữ liệu, các nhà nghiên cứu khác sẽ tìm thấy các mô hình tương tự (Morse & Richards, 2002). Tính phụ thuộc tương đương với độ tin cậy trong nghiên cứu định lượng. Mặc dù các phát hiện của nghiên cứu này không nhằm mục đích tổng quát hóa, nhưng có thể tìm thấy sự tương đồng trong các bối cảnh tương tự.

**3.4. Nghiên cứu trần thuật trong nghiên cứu giáo dục ngôn ngữ thứ hai**

Điều gì làm cho nghiên cứu trần thuật khác biệt so với các phương pháp nghiên cứu định tính khác? Để trả lời câu hỏi này, Barkhuizen và Wette (2008, trang 374) cho rằng đó là "bản chất của dữ liệu được thu thập (tức là các câu chuyện) và cách phân tích chúng." Trong nghiên cứu trần thuật, "các trần thuật là những văn bản kể lại những trải nghiệm đã sống (trải nghiệm được kể)" (trang 374) khi các câu chuyện có một khởi đầu, một phần giữa và một kết thúc (Barkhuizen & Wette, 2008), tạo thành "chuỗi sự kiện hồi quy" (Labov, 2006, trang 39). Chuỗi sự kiện này tạo ra hành động phức tạp dẫn đến một giải pháp (Labov, 2006, trang 39) hoặc một hành động hướng đến việc đạt được một mục tiêu cụ thể (Bruner, 2006). Do đó, một câu chuyện được định khung trong mối quan hệ tương tác của ba chiều: thời gian, tương tác và địa điểm (Clandinin & Connelly, 2000). Chính trong bối cảnh này mà câu chuyện được hiểu, bởi cả người kể chuyện và nhà nghiên cứu trần thuật" (Barkhuizen & Wette 2008, trang 374). Nghiên cứu này là một nghiên cứu với các trần thuật theo nghĩa là các trần thuật của sinh viên tham gia được sử dụng để hiểu về sự tham kết của họ trong học tập trực tuyến theo ký ức của họ.

**3.5. Nghiên cứu trần thuật như là phương pháp chính của nghiên cứu**

Thiết kế nghiên cứu định tính khám phá đã được áp dụng cho nghiên cứu hiện tại. Thiết kế nghiên cứu này cho phép khám phá hiện tượng một cách sâu sắc và đo lường sự phổ biến của nó nhờ vào tính đơn giản, linh hoạt và tiện ích vốn có. Nó phù hợp nhất để cung cấp một cái nhìn sâu rộng về các hiện tượng cụ thể và tóm tắt toàn diện các sự kiện cụ thể mà những người tham gia đã trải nghiệm, vì trọng tâm của nghiên cứu này là khám phá và mô tả vấn đề hiện có trong bối cảnh thực tế, tức là sự tham kết của sinh viên trong quá trình học trực tuyến của họ vì hai lý do.Lý do đầu tiên nằm ở bản chất của nghiên cứu trần thuật, nó đặt những người tham gia nghiên cứu trong không gian và thời gian để hiểu được những gì đã xảy ra, tức là trải nghiệm học tập trực tuyến của họ trong thời kỳ đại dịch. Lý do thứ hai là sự tham kết của người học trong quá trình học tập là một hiện tượng phức tạp, động và phụ thuộc vào bối cảnh với sự biến đổi lớn giữa các cá nhân. Tóm lại, các phương pháp trần thuật cho thấy cách các quá trình tâm lý bị ảnh hưởng bởi các cấu trúc văn hóa xã hội mà trong đó chúng diễn ra (ví dụ, Carless & Douglas, 2013). Do đó, các câu chuyện đơn giản có thể cung cấp thông tin liên quan đến các câu hỏi trọng tâm của nghiên cứu này, đó là về sự tham kết của người học trong học tập trực tuyến trong bối cảnh giảng dạy từ xa khẩn cấp do đại dịch COVID-19.

**3.6. Phương pháp thu thập dữ liệu: Khung trần thuật**

Trong nghiên cứu này, dữ liệu được thu thập chủ yếu thông qua các khung trần thuật. Được giới thiệu bởi Barkhuizen và Wette (2008), khung trần thuật (NFs) đã trở thành một công cụ thu thập dữ liệu ngày càng phổ biến trong nghiên cứu về học tập và giảng dạy ngôn ngữ. Một khung trần thuật là "một mẫu câu chuyện viết gồm một loạt các câu chưa hoàn chỉnh và các khoảng trống có độ dài khác nhau. Nó được cấu trúc dưới dạng một câu chuyện dưới hình thức khung. Mục đích là để người tham gia kể lại một câu chuyện mạch lạc bằng cách điền vào các chỗ trống theo kinh nghiệm của họ và những suy ngẫm của họ về những điều này" (Barkhuizen, 2011, tr. 402). Một khung trần thuật bao gồm "các câu mở đầu, các từ nối và bổ nghĩa câu, cung cấp cho người viết một cấu trúc trong đó họ có thể tập trung vào việc thể hiện những gì chúng muốn nói khi được hỗ trợ sử dụng một dạng viết cụ thể" (Wray và Lewis, 1997, tr. 122). Các khung trần thuật đã được sử dụng trong nhiều bối cảnh khác nhau để hiểu rõ hơn về niềm tin, trải nghiệm, và nhân dạng của người học và người dạy ngôn ngữ (Barkhuizen, 2014). Shelley và cộng sự (2013) đã sử dụng khung trần thuật để tìm hiểu những thách thức mà giáo viên gặp phải do việc chuyển đổi từ giảng dạy trực tiếp sang giảng dạy từ xa và sau đó là giảng dạy ngôn ngữ kết hợp, và cách mà từng giáo viên đối phó với những thách thức đó.

Để thu thập kinh nghiệm của sinh viên trong việc học tiếng Anh trực tuyến và khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham kết của họ, khung trần thuật được xem là hướng dẫn hữu ích và thuận tiện nhất cho các đối tượng mục tiêu mặc dù có những hạn chế. Những hạn chế này sẽ được giảm thiểu bởi các chiến lược của các nhà nghiên cứu trong việc thu thập dữ liệu (như xây dựng mối quan hệ thân thiết với sinh viên, cung cấp hướng dẫn rõ ràng và toàn diện, thiết kế khung trần thuật theo một cấu trúc logic...).

**3.7. Quy trình nghiên cứu**Quy trình nghiên cứu bao gồm các giai đoạn sau:
***a. Thiết kế khung trần thuật:*** Trong giai đoạn này, để giảm thiểu các hạn chế của khung trần thuật, nhà nghiên cứu đã lưu ý đến các điểm như: *Mục đích* (Khung trần thuật nhằm đạt được điều gì? Nhà nghiên cứu cần thu thập dữ liệu gì cho nghiên cứu và dữ liệu này sẽ được tích hợp với các dữ liệu khác được thu thập bằng các phương pháp khác như thế nào? Khung trần thuật đang cố gắng giải quyết câu hỏi nghiên cứu nào? Nó có giá trị gì ngoài việc thu thập dữ liệu không?); *Chủ đề* (Nhà nghiên cứu đã giải thích cẩn thận chủ đề cụ thể của khung trần thuật cho những người tham gia viết khung trần thuật); *Kinh nghiệm* (Chủ đề của khung trần thuật luôn liên quan đến kinh nghiệm của người trả lời. Trong nghiên cứu hiện tại, nó liên quan đến kinh nghiệm của họ trong một khóa học học tiếng Anh trực tuyến). *Suy ngẫm* (Nó liên quan đến cách họ hiểu những kinh nghiệm này. Khung trần thuật được thiết kế để cung cấp cơ hội cho người trả lời suy ngẫm về những trải nghiệm được mô tả trong khung, điều mà Labov (1997) gọi là sự đánh giá).

***b.Thử nghiệm***Sau khi hoàn thiện thiết kế của khung trần thuật với sự tư vấn từ các chuyên gia trong lĩnh vực, nhà nghiên cứu đã mời năm sinh viên tình nguyện tham gia để hoàn thành khung trần thuật. Nhà nghiên cứu đã cung cấp hướng dẫn rõ ràng về cách điền vào khung trần thuật và giải thích mục đích của nghiên cứu. Tất cả các sinh viên tham gia được ngồi cách xa nhau trong khi hoàn thành khung trần thuật của họ. Họ cũng được thông báo rằng họ có thể đặt câu hỏi nếu họ thấy bất kỳ phần nào của khung trần thuật gây khó hiểu. Bằng cách thu thập những câu hỏi từ các sinh viên trong giai đoạn này, nhà nghiên cứu đã thực hiện các điều chỉnh cho khung trần thuật, như tinh chỉnh cách diễn đạt và cấu trúc, để đảm bảo rằng nó mạch lạc và toàn diện nhất có thể, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu.

***c. Thu thập dữ liệu:***Trong giai đoạn này, để tối đa hóa độ tin cậy của dữ liệu, nhà nghiên cứu đã tổ chức một buổi họp với các sinh viên trước khi thu thập dữ liệu nhằm giúp họ hiểu rõ về cách thức và những việc cần làm trong buổi thu thập dữ liệu mà họ sẽ tham gia. Bối cảnh cũng được lựa chọn để cung cấp điều kiện tốt nhất cho sự tập trung và chú ý của họ. Trong nghiên cứu này, để đảm bảo tính xác thực của các câu chuyện trần thuật của sinh viên, các sinh viên tham gia nghiên cứu được khuyến khích và nhắc nhở chia sẻ kinh nghiệm và câu chuyện của họ một cách trung thực. Họ được đảm bảo rằng sự trung thực của họ sẽ không ảnh hưởng đến danh tiếng hay thành tích học tập của họ và rằng những đóng góp của họ sẽ được đánh giá cao.

**3.8. Phân tích dữ liệu**Nghiên cứu hiện tại sẽ áp dụng phương pháp phân tích các câu chuyện trần thuật để có cái nhìn sâu sắc hơn về bản chất của sự tham kết của sinh viên, các lý do tiềm ẩn cho mức độ tham kết của sinh viên, cũng như những trở ngại hoặc điều kiện thuận lợi có thể có, và sự sẵn sàng tham gia việc học trực tuyến.

***3.8.1. Mã hóa***Khi quyết định loại phương pháp mã hóa nào để áp dụng, yếu tố chính cần xem xét là các câu hỏi nghiên cứu. Trong nghiên cứu này, một phương pháp mã hóa kết hợp được áp dụng, trong đó phương pháp mã hóa suy diễn là phương pháp chính vì khái niệm về sự tham kết trong học tập trực tuyến rất phức tạp. Đối với mã hóa suy diễn, ba mã phổ biến về sự tham kết của người học: hành vi, nhận thức, và cảm xúc đã được sử dụng trong phân tích dữ liệu. Tuy nhiên, mã hóa quy nạp đã được sử dụng để phân tích các yếu tố bối cảnh ảnh hưởng đến sự tham kết của người học.

***3.8.2. Quy trình phân tích dữ liệu***Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu này tuân theo các giai đoạn sau:

***Giai đoạn 1: Thẩm thấu dữ liệu***Sau khi nhận được các câu chuyện trần thuật của sinh viên tham gia nghiên cứu, tôi đã dành thời gian đáng kể để xem xét kỹ lưỡng dữ liệu, đọc các câu chuyện của họ ít nhất bốn lần. Quá trình này được gọi là "thẩm thấu dữ liệu," mà Wallis (2010) mô tả là "một quá trình trong đó nhà nghiên cứu trở nên quen thuộc với dữ liệu" (tr. 413).

***Giai đoạn 2: Mã hóa dữ liệu và thu giảm dữ liệu***Sau khi đọc tất cả các câu chuyện trần thuật của sinh viên tham gia nghiên cứu nhiều lần, bước tiếp theo là bắt đầu quá trình mã hóa. Nghiên cứu này đã áp dụng kết hợp cả hai loại mã hóa. Mã hóa suy diễn được áp dụng để phân tích dữ liệu liên quan đến sự tham kết của người học, sử dụng các mã đã được xác định trước về tham kết hành vi, tham kết nhận thức và tham kết cảm xúc, trong khi mã hóa quy nạp được áp dụng cho dữ liệu liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham kết của người học.

***Giai đoạn 3: Phân tích dữ liệu và phát triển các chủ đề***Như đã đề cập trước đó, nghiên cứu này tập trung vào phương pháp "phân tích các câu chuyện trần thuật," với trọng tâm chính là "nội dung" của các câu chuyện. Hai phương pháp phân tích đã được sử dụng trong việc phân tích các câu chuyện trần thuật trong nghiên cứu này. Phương pháp đầu tiên là phân tích nội dung, được định nghĩa là "một phương pháp nghiên cứu phát hiện, ghi lại và phân tích sự hiện diện của các từ hoặc khái niệm cụ thể trong một mẫu các hình thức giao tiếp" (Sproule, 2010, tr. 324). Trong nghiên cứu này, các hình thức giao tiếp, thường được gọi là "văn bản," là các câu chuyện trần thuật viết của sinh viên và bản ghi phỏng vấn của họ.

# 3.9. Vị trí của nhà nghiên cứu trong nghiên cứu

Vì nghiên cứu này được thực hiện trong một bối cảnh mà tôi có mối liên hệ trực tiếp, tôi được coi là một người trong cuộc. Thuật ngữ "nghiên cứu nội bộ" đề cập đến các nghiên cứu được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu là thành viên của các cộng đồng, nhóm dân cư, hoặc nhóm nhận dạng mà họ đang nghiên cứu (Kanuha, 2000, tr. 439). Để có được kiến thức sâu sắc trong nghiên cứu người trong cuộc, nhà nghiên cứu phải trở thành một "người trong cuộc," điều này bao gồm việc hợp tác và dành thời gian tại hiện trường với các sinh viên tham gia nghiên cứu (Creswell, 2007, tr. 17). Mặc dù thực hiện nghiên cứu nội bộ có thể mang lại nhiều lợi ích, chẳng hạn như tiếp cận nhanh chóng với địa điểm nghiên cứu và có được kiến thức quý giá về các quy trình trong bối cảnh nghiên cứu (Asselin, 2003), nhưng cũng có nhiều thách thức mà các nhà nghiên cứu là người trong cuộc cần lưu ý như các giả định về hiện tượng được nghiên cứu, vai trò kép, và những nhận thức và kỳ vọng mà sinh viên tham gia nghiên đối với các nhà nghiên cứu.

**3.10. Đạo đức nghiên cứu** Vì nghiên cứu trần thuật là một phương pháp nghiên cứu mang tính chất quan hệ, các vấn đề đạo đức là trung tâm trong suốt quá trình nghiên cứu. Các yêu cầu đạo đức vượt ra ngoài các yêu cầu của tổ chức về quyền riêng tư, bảo mật và sự đồng ý được thông báo. Việc chú ý đến cách tham gia vào một nghiên cứu trần thuật ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi sinh viên tham gia nghiên cứu, quá trình đàm phán khi bắt đầu, kết thúc và việc trình bày lại những trải nghiệm là những mối quan tâm đạo đức quan trọng. Các vấn đề về sự đồng thuận được thông báo liên quan đến các câu hỏi về ai có quyền cho phép, làm thế nào để duy trì sự đồng thuận được thông báo trong suốt quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, nhà nghiên cứu cũng quan tâm đến vấn đề các sinh viên tham gia nghiên cứu đồng thuận với các văn bản nghiên cứu cuối cùng để tiết lộ những trải nghiệm cá nhân và đặt những trải nghiệm đó vào một bối cảnh rộng lớn hơn.

**CHƯƠNG IV: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**Các kết quả chính của nghiên cứu được thể hiện trong sơ đồ 4.1, sẽ được trình bày trong chương này.

**** *Figure 4.1: Sơ đồ tóm lược các kết quả chính của nghiên cứu*

**4.1. Tham kết hành vi
*4.1.1. Nỗ lực học tập*** Trong nghiên cứu này, từ các câu chuyện trần thuật của sinh viên, có thể thấy rằng họ đã cố gắng tìm cách đối phó với nhiều thách thức bất ngờ nhằm hoàn thành khóa học, mặc dù trải nghiệm học tập trong môi trường trực tuyến trong thời kỳ đại dịch không chỉ mới lạ mà còn đầy khó khăn đối với họ. Các hành vi tích cực như tìm kiếm sự hỗ trợ từ bạn bè và giáo viên mặc dù bị cô lập về mặt xã hội, xử lý các vấn đề kỹ thuật như kết nối internet kém và thiếu kinh nghiệm học tập trực tuyến đã được thể hiện.

Ví dụ, một sinh viên (S4) đã mô tả hành động của mình trong một tình huống như sau:
"Khi em gặp điều gì đó khiến em bối rối trong bài học, em *đã hỏi giáo viên của mình* vì em thấy đó là cách nhanh nhất để giải quyết vấn đề" (S4, WN).

Điều thú vị là động lực đằng sau sự tham kết hành vi của sinh viên là điểm số, thứ được sử dụng như một chuẩn mực để xác nhận việc hoàn thành khóa học của họ. Ví dụ, S3 và S1 đã kể lại rằng:
 Nhiệm vụ mà em dành nhiều công sức nhất là làm bài tập về nhà. Lý do cho sự nỗ lực của em là để *đạt điểm cao*. (S3, WN).

Một dấu hiệu khác của sự tham kết hành vi của họ là nỗ lực trong việc xử lý các vấn đề kỹ thuật để họ có thể tham gia các bài học trực tuyến. Cụ thể, đa số họ đã tìm kiếm các địa điểm có kết nối internet ổn định hơn hoặc đầu tư vào dịch vụ Wi-Fi 4G tốt hơn để tránh bỏ lỡ bất kỳ bài học trực tiếp nào, qua đó nâng cao hiệu quả của khóa học.

***4.1.2. Hợp tác với bạn bè***Hợp tác cũng là một chiến lược mà một số sinh viên đã sử dụng để đạt được kết quả học tập tốt hơn. Như đã được nêu bởi S8 và S1, công việc hợp tác và tương tác nhóm đã giúp họ đạt được điểm số cao.
 Điều em dành nhiều công sức nhất là cách phân chia công việc trong nhóm của mình một cách hiệu quả nhất để chúng em *có thể đạt điểm cao*.(S8, WN).

***4.1.3.Tham gia trong quá trình học***

Các hành vi của việc học mức độ nông cũng được thể hiện trong những gì các sinh viên đã kể về việc tham gia học tập của mình.

Chúng em đã thực hiện một dự án nhỏ và thuyết trình, *đặt câu hỏi cho các bạn cùng lớp*. Em cảm thấy rất thích vì buổi học giống như một cuộc họp với mọi người, không giống như một buổi học bình thường trong lớp. (S1, WN)

## 4.2. Tham kết về mặt nhận thức

***4.2.1. Sử dụng các chiến lược học tập tự điều chỉnh*** Để đảm bảo hoàn thành bài tập đúng thời hạn, một số sinh viên tham gia nghiên cứu đã sử dụng nhiều chiến lược học tập tự điều chỉnh khác nhau như tìm kiếm thông tin và tài liệu ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) trực tuyến, cũng như tìm kiếm sự trợ giúp từ bạn bè và giáo viên. Các hoạt động nhóm, chẳng hạn như thuyết trình và đọc sách cùng nhau, cũng tiêu tốn một lượng thời gian đáng kể. Họ đã tích cực tổ chức các diễn đàn trực tuyến, như các nhóm trên Zalo, để tạo điều kiện cho việc tương tác với bạn bè, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong nhóm, thực hiện tìm kiếm thông tin trực tuyến, và dành nhiều thời gian để luyện phát âm. Ví dụ, S10 đã sử dụng các tài liệu trực tuyến có sẵn và dễ tiếp cận như một chiến lược để hoàn thành bài tập.

Để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao bởi giáo viên, *em lên mạng tìm kiếm tài liệu* và luyện tập rất nhiều trước khi thuyết trình với các bạn cùng lớp. Chúng em x*em video trên YouTube* để có thêm thông tin cho bài thuyết trình của mình. (S10, WN).

Tuy nhiên, đối với đa số sinh viên tham gia nghiên cứu, sự tham kết nhận thức dường như yếu. Điều này được thể hiện qua việc họ không sẵn sàng tìm các chiến lược phù hợp để bù đắp cho sự thiếu hợp tác trong nhóm. Các sinh viên tham gia nghiên cứu đã thành thật thừa nhận rằng các bạn cùng lớp của họ không muốn hợp tác với họ để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Điều này khiến họ rất buồn và giảm sự tham kết của mình.

Khi làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề được giao bởi giáo viên, em nhận thấy rằng gần như tất cả các bạn bè đều *ngần ngại hợp tác*. Dường như *họ không muốn làm việc với em* (S11, WN).

Trong trường hợp này, sự tham kết nhận thức hạn chế thể hiện qua sự thiếu sự hợp tác với giáo viên hoặc bạn bè trong các hoạt động học tập. Trong môi trường ảo, việc duy trì kết nối có thể trở nên khó khăn hơn và các sinh viên tham gia nghiên cứu có thể cảm thấy rất xa lạ với nhau. Nhưng nếu họ có sự tham kết nhận thức cao trong khóa học, họ sẽ cố gắng hết sức để hợp tác với nhau để hoàn thành các nhiệm vụ.

***4.2.2. Mục tiêu học tập ngắn hạn***Các sinh viên trong nghiên cứu này nhấn mạnh rằng việc hoàn thành các bài tập được giao bởi giáo viên là ưu tiên hàng đầu vì họ tin rằng nhiệm vụ này là cần thiết để đạt được điểm cao trong khóa học. Họ tập trung vào nhiệm vụ này để đảm bảo kết quả tốt nhất có thể, thể hiện một mục tiêu học tập ngắn hạn hơn là mục tiêu dài hạn. Chỉ có hai sinh viên tham gia nghiên cứu đề cập rằng sự cam kết của họ đối với các bài tập xuất phát từ mong muốn củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng ngôn ngữ của mình.

Nhiệm vụ mà em dành nhiều thời gian và công sức nhất là hoàn thành bài tập về nhà *để đạt điểm cao*. (S9, WN)

***4.2.3. Nhận thức về giá trị của khóa học***Sự tham kết nhận thức cũng được phản ánh qua nhận thức của sinh viên tham gia nghiên cứu về giá trị của khóa học. Trong nghiên cứu này, các câu chuyện trần thuật của họ cho thấy hầu hết sinh viên tham gia nghiên cứu đều coi việc nâng cao kỹ năng công nghệ và đạt điểm cao, thay vì kỹ năng ngôn ngữ, là những kết quả quan trọng nhất của khóa học. Họ cho rằng những thành tựu này có được nhờ quá trình tự học trong môi trường trực tuyến, nơi họ phải vượt qua nhiều thách thức kỹ thuật. Như được kể lại bởi S7:

Đối với em, kết quả lớn nhất mà em đạt được sau khóa học *là kỹ năng công nghệ thông thông tin của em được cải thiện* nhiều nhờ các yêu cầu học trực tuyến. Ngoài ra, em còn có thể *đạt điểm cao* vào cuối khóa học (S7, WN).

**4.3. Tham kết cảm xúc
*4.3.1. Sự hài lòng với khóa học***Tham kết cảm xúc, mặt khác, bao gồm cảm xúc của sinh viên đối với quá trình học tập, bối cảnh, bạn bè và giáo viên, dù là tiêu cực hay tích cực, cũng như cảm giác thuộc về của họ (xem Chương II). Dựa trên các câu chuyện trần thuật của sinh viên tham gia nghiên cứu, rõ ràng là trải nghiệm của họ với khóa học tiếng Anh trực tuyến đã thể hiện cả cảm xúc tích cực và tiêu cực. Khoảng hai phần ba số sinh viên bày tỏ sự hài lòng một phần với khóa học, cho rằng họ đã cải thiện kiến thức tiếng Anh và kỹ năng ngôn ngữ của mình.

Đối với em, khóa học *đã phần nào cung cấp những gì em cần* để cải thiện ngôn ngữ của mình. Trước khóa học, em mong đợi cải thiện kỹ năng nói của mình. Tuy nhiên, tất cả các bài học đều tập trung quá nhiều vào đọc và từ vựng (S5, WN).

***4.3.2. Thiếu sự kiên định khi đối mặt với thử thách***Hơn một nửa số sinh viên tham gia nghiên cứu cho biết họ cảm thấy thất vọng khi phải đối mặt với các vấn đề bất ngờ trong môi trường học trực tuyến, chẳng hạn như kết nối Internet không ổn định, tài liệu khó hiểu, và thiếu sự tương tác. Các câu chuyện trần thuật của họ phản ánh những cảm xúc tức giận, khó chịu, mất hứng thú và giảm động lực do những điều kiện bất lợi này gây ra. Ví dụ, S1 và S3 đã diễn tả cảm xúc tiêu cực của họ theo cách sau:

Em cảm thấy *rất chán, không còn muốn học và em sợ học tiếng Anh* vào thời điểm đó. (S1, WN).

 Do việc cung cấp tài liệu muộn trong học trực tuyến trên hệ thống LMS, em cảm thấy rằng mình *không còn hào hứng với việc học* như ở giai đoạn đầu của quá trình học tập. (S3, WN)

Trong nghiên cứu này, sự tham kết cảm xúc của các sinh viên tham gia nghiên cứu bao gồm cả những trải nghiệm cảm xúc tích cực và tiêu cực trong quá trình học trực tuyến. Cảm xúc tích cực chủ yếu xuất phát từ tính cách của giáo viên và việc khóa học phần nào đáp ứng được kỳ vọng của họ. Ngược lại, cảm xúc tiêu cực xuất phát từ những thách thức do môi trường ảo mang lại, đặc biệt là vì đây là lần đầu tiên họ gặp phải những vấn đề này. Sự không hài lòng cũng nảy sinh từ việc phản hồi chậm trễ từ giáo viên khi hướng dẫn là cần thiết ngay lập tức.

**4.4. Các yếu tố định hình sự tham kết của sinh viên
*4.4.1. Các yếu tố bên trong
a. Động lực học tập***Như đã thảo luận trong phần tổng quan tài liệu (2.9), động lực học tập có mối liên hệ chặt chẽ với sự tham kết, phản ánh sự sẵn sàng của người học trong việc tham gia vào quá trình học ngôn ngữ. Hầu hết các sinh viên tham gia nghiên cứu cho biết động lực chính của họ khi học tiếng Anh là để vượt qua kỳ thi cuối kỳ, cần thiết cho việc tốt nghiệp. Họ xem khóa học tiếng Anh như một yêu cầu bắt buộc hơn là một điều gì đó mà họ tự nguyện chọn trong chương trình học. Nói cách khác, động lực bên ngoài dường như có ảnh hưởng lớn nhất đến sự tham kết của sinh viên trong việc học tập.

Điều thúc đẩy em nhiều nhất khi tham gia khóa học là nó là *một phần bắt buộc* trong chương trình đào tạo của em tại trường đại học (S8, WN).

***b. Sự hài lòng với khóa học***Sự chi phối của động lực học tập bên ngoài trong số các sinh viên tham gia nghiên cứu này đã ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của họ với khóa học. Như đã được nêu trong các câu chuyện trần thuật của họ, điều làm họ hài lòng nhất khi hoàn thành khóa học là đạt được điểm số cao hoặc vượt qua kỳ thi B1 để đủ điều kiện tốt nghiệp, vì trình độ B1 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ Chung Châu Âu (CEFR) được xem là yêu cầu bắt buộc đối với tất cả sinh viên đại học Việt Nam không chuyên ngành tiếng Anh. Ví dụ, S10 nói rằng, “Khóa học không thực sự hiệu quả” đối với cô ấy trong nỗ lực phát triển kiến thức và kỹ năng tiếng Anh của mình, và những gì cô ấy thu được từ khóa học “không đủ để vượt qua kỳ thi cuối khóa” (S10, WN). Mặc dù có hai sinh viên cho biết họ đã có sự cải thiện một chút về kỹ năng tiếng Anh, nhưng không rõ liệu sự cải thiện đó có thực sự hay chỉ là cảm nhận.

***c. Thiếu sự tự tin và kỹ năng học tập tự điều chỉnh***Phần lớn sinh viên tham gia nghiên cứu ban đầu có sự tự tin thấp về khả năng ngôn ngữ của mình khi bắt đầu khóa học.

Em *không thực sự tự tin* về khả năng ngôn ngữ của mình; em nghĩ rằng em *khá kém tiếng Anh* và em sợ rằng em không thể theo kịp các bạn cùng lớp (S8, WN).

Mặc dù họ tin rằng tiếng Anh của mình không đủ tốt, họ dường như không chủ động đầu tư nhiều hơn vào việc học. Điều này được minh chứng qua các câu chuyện trần thuật của họ.

Em c*hỉ học trước các kỳ thi* chứ không học hàng ngày; đôi khi, em ôn tập một chút trước khi kiểm tra vì em cần đạt điểm cao (S6, WN).

Sự thiếu hụt kỹ năng học tập tự điều chỉnh cũng làm suy yếu sự tham kết của sinh viên trong việc học tập trong bối cảnh trực tuyến, nơi mà tương tác xã hội bị hạn chế hoặc thậm chí không tồn tại. Điều này được minh họa trong câu chuyện của S7:

Điều làm em không hài lòng nhất với khóa học là thiếu *sự tương tác trực tiếp*, điều này dẫn đến *nhiều hậu quả xấu và rào cản* trong việc tiếp thu kiến thức ngôn ngữ (S7, WN).

***4.4.2. Các yếu tố bên ngoài
a. Giáo viên***Mặc dù có những khó khăn khác, nhưng các sinh viên trong nghiên cứu này dường như rất trân trọng những gì giáo viên đã làm để hỗ trợ việc học của họ. Phần lớn sinh viên tham gia nghiên cứu đã thẳng thắn cho biết rằng sự tham kết cảm xúc của họ xuất phát từ tính cách của giáo viên, được mô tả là thân thiện, hòa đồng, giúp đỡ tận tình và tận tụy với công việc giảng dạy. Cách mà giáo viên giao tiếp trong các buổi học đồng bộ đã để lại ấn tượng tích cực cho họ. S1 đã bày tỏ sự trân trọng này một cách rõ ràng:

Điều làm em hài lòng nhất với khóa học là giáo viên của em *rất tận tụy và thân thiện*. (S1, WN)

Phương pháp giảng dạy của giáo viên cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến sự tham kết của sinh viên, vấn đề này được đề cập trong nhiều câu chuyện trần thuật của sinh viên. Các giáo viên dường như áp dụng phương pháp giảng dạy thông thường mà họ đã sử dụng trong các lớp học trực tiếp mà không nghĩ rằng học trực tuyến không giống với học trực tiếp. Họ dường như không đơn giản hóa nội dung giảng dạy mà thay vào đó cố gắng bao quát tất cả nội dung trong sách giáo khoa. Điều này khiến sinh viên cảm thấy mệt mỏi về mặt thể chất, nhận thức và cảm xúc, như S11 đã mô tả:

Các bài học trực tuyến ảnh hưởng xấu đến sự tập trung của em và em cảm thấy bị phân tâm đôi khi. Vì vậy, em *cần sự giải lao trong các buổi học* để tránh sự quá tải. (S13, WN).

***b. Thiếu cảm giác gắn kết trong môi trường học trực tuyến***Việc chuyển đổi đột ngột từ khóa học trực tiếp sang học trực tuyến dường như là một cú sốc đối với hầu hết các sinh viên trong nghiên cứu này. Họ cảm thấy bị cô lập trong môi trường trực tuyến. S6 đã kể lại:

Em cảm thấy *không hài lòng với khóa học* khi có rất ít sự tương tác với giáo viên và bạn bè. Em nhớ rằng có lần chúng em được phân vào làm việc nhóm nhưng các bạn trong nhóm *lại phớt lờ nhau* và em không biết phải làm gì (S6, WN).

***c. Các yếu tố môi trường trực tuyến
Tính linh hoạt và thuận tiện***Các sinh viên tham gia nghiên cứu này đã bày tỏ sự hài lòng với môi trường giáo dục thuận tiện và linh hoạt mà học từ xa mang lại. Họ đưa ra các lý do như có thể giảm thời gian di chuyển đến trường và sử dụng thời gian đó cho các hoạt động khác.

Một sinh viên tham gia nghiên cứu (S6), chẳng hạn, đã nói rằng:

Học trực tuyến thực sự *tiết kiệm thời gian và tiền bạc* vì em không phải di chuyển một quãng đường dài đến trường (S6, WN).

***Hoạt động học tập trong môi trường trực tuyến***Theo ý kiến của hai phần ba sinh viên tham gia nghiên cứu, điều khác biệt trong học trực tuyến so với môi trường học truyền thống là họ tham gia vào làm việc nhóm. Đặc biệt, tất cả các cuộc thảo luận và giao tiếp với bạn bè hoặc giáo viên trong các hoạt động học tập này đều được thực hiện qua Zoom hoặc các mạng xã hội như Zalo hoặc Facebook. Đây là lần đầu tiên họ có cơ hội tham gia vào môi trường làm việc như vậy. Một số sinh viên rất thích thú với cách họ có thể chơi trò chơi trực tuyến trên các nền tảng như Quizzes hoặc Kahoot, điều này thực sự khiến họ cảm thấy vui vẻ và hào hứng.

***Tài liệu trực tuyến***Hầu hết sinh viên tham gia nghiên cứu đều đánh giá tài liệu của khóa học tiếng Anh trực tuyến là hữu ích và đa dạng. Tuy nhiên, một số trở ngại đã được gặp phải khi sử dụng các tài liệu này. Nhiều sinh viên gặp khó khăn với các chữ in bị mờ, làm cản trở khả năng đọc và hoàn thành bài tập của họ. Một số tài liệu cũng chứa lỗi kỹ thuật, chẳng hạn như các câu lặp lại, điều này khiến việc học trở nên nhàm chán đối với sinh viên.

Em bị *quá tải* với tài liệu do giáo viên cung cấp. Em không biết cách sử dụng chúng nếu không có hướng dẫn rõ ràng từ cô. Một số tài liệu, theo em, không thực sự cần thiết đối với chúng em. Điều này khiến em thực sự *chán nản và mất hứng thú* (S11, WN).

***Kết nối Internet***Trở ngại chính mà hầu hết sinh viên tham gia nghiên cứu gặp phải trong học trực tuyến là kết nối Internet không ổn định hoặc bị gián đoạn, được xác định là chủ đề chính trong quá trình phân tích dữ liệu. Các sinh viên thường mô tả cách mà các vấn đề về mạng trong quá trình học từ xa dẫn đến sự thất vọng và phân tâm, khiến họ khó tập trung vào bài học.

Em nhớ rằng trong một buổi học, do kết nối Internet không ổn định, em đã bị rớt mạng nhiều lần mặc dù em đã cố gắng tìm một chỗ có Wi-Fi mạnh hơn. Cuối cùng, *em không thể tiếp thu được gì từ bài học đó*. (S9, WN).

**Tóm tắt chương**Các kết quả từ việc phân tích các câu chuyện trần thuật của sinh viên cho thấy sự tham kết của người học có mối quan hệ chặt chẽ với động lực học tập của họ, có thể là động lực học tập bên trong hoặc bên ngoài. Như đã trình bày trong chương này, hầu hết sinh viên tham gia nghiên cứu dường như được thúc đẩy bởi động lực học tập bên ngoài, chủ yếu quan tâm đến việc đạt được điểm số cần thiết để hoàn thành khóa học. Chỉ có một số ít sinh viên thấy các nhiệm vụ học tập thú vị, hữu ích hoặc quan trọng. Hầu như không có bằng chứng nào từ các câu chuyện trần thuật của sinh viên cho thấy họ đã áp dụng các chiến lược học tập sâu trong quá trình hoàn thành khóa học. Thay vào đó, hầu hết các chiến lược mà họ báo cáo là các chiến lược học tập hời hợt, chẳng hạn như tìm kiếm câu trả lời đúng cho các bài tập ngữ pháp hoặc các câu hỏi hiểu bài. Vì lý do này, tham kết hành vi, cả thụ động và chủ động, là hiện diện rõ ràng nhất trong các câu chuyện trần thuật của sinh viên, trong khi tham kết nhận thức và cảm xúc của họ dường như yếu.

Sự tham kết của người học, như được trình bày trong nghiên cứu này, được định hình bởi nhiều yếu tố, cả tâm lý lẫn môi trường. Trong số các yếu tố này, động lực học tập của sinh viên dường như là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất. Yếu tố ảnh hưởng thứ hai là phương pháp giảng dạy của giáo viên. Vì sự chuyển đổi từ khóa học trực tiếp truyền thống sang học trực tuyến diễn ra quá nhanh chóng, không phải tất cả giáo viên đều sẵn sàng về mặt chuyên môn và tâm lý để giảng dạy trực tuyến, và điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự tham kết của sinh viên. Những phát hiện này sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong Chương V.

**CHƯƠNG V: THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**5.1. Tham kết hành vi – Khía cạnh nổi bật nhất**

Mặc dù ba thành phần của sự tham kết của người học gồm tham kết hành vi, tham kết nhận thức, và tham kết cảm xúc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng trong nghiên cứu này, các dấu hiệu của tham kết hành vi lại mạnh mẽ hơn so với tham kết nhận thức và tham kết cảm xúc. Họ buộc phải hoàn thành khóa học và đạt ít nhất điểm số đủ để được chứng nhận đủ điều kiện tốt nghiệp. Họ đã mô tả những nỗ lực hoàn thành bài tập đúng hạn và tìm kiếm kết nối Internet tốt hơn cho các buổi học trực tuyến. Tuy nhiên, họ thường bày tỏ những cảm xúc tiêu cực như thất vọng, chán nản và thiếu khả năng phục hồi khi đối mặt với các thách thức trong học trực tuyến. Nhiều sinh viên cảm thấy rằng khóa học không thực sự nâng cao kỹ năng ngôn ngữ của họ. Sự khác biệt này gợi ý rằng những hồi ức của họ về các hành động đã thực hiện rõ ràng hơn so với cảm xúc và suy nghĩ của họ trong quá trình đó.

So với tham kết hành vi, tham kết nhận thức và cảm xúc của sinh viên dường như mờ nhạt hơn. Tham kết nhận thức được thiết lập khi sinh viên dành một lượng công sức về mặt tinh thần để tương tác với tài liệu học tập (Richardson & Newby, 2006; Walker, Greene & Mansell, 2006). Trong nghiên cứu này, các câu chuyện trần thuật của sinh viên chỉ ra rằng họ đã thể hiện một số khả năng trong việc sử dụng các chiến lược học tập tự điều chỉnh để quản lý các nhiệm vụ học tập của mình. Ví dụ, họ tìm kiếm sự trợ giúp từ bạn bè và làm việc để nâng cao kỹ năng sử dụng máy tính của mình nhằm hoàn thành khóa học. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng các sinh viên trong nghiên cứu này không có đủ các kỹ năng học tập tự điều chỉnh cần thiết, điều rất quan trọng đối với việc học trực tuyến hiệu quả.

**5.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham kết của sinh viên** Như đã chỉ ra trong kết quả nghiên cứu, phương pháp giảng dạy của giáo viên là yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng lớn nhất đến sự tham kết của sinh viên. Khóa học trực tuyến trong nghiên cứu này được triển khai trong giai đoạn đầu của giảng dạy từ xa khẩn cấp (ERT) do sự giãn cách xã hội gây ra bởi đại dịch. Điều này có nghĩa là hầu hết các giáo viên không được đào tạo về phương pháp giảng dạy trực tuyến; họ cũng không có tài liệu được thiết kế đặc biệt cho môi trường học trực tuyến (Leli Efriana, 2021). Điều này được chứng minh qua các phàn nàn của sinh viên rằng họ bị quá tải với các bài tập và cảm thấy chán nản, không được quan tâm trong giờ học do thiếu sự tương tác giữa sinh viên và giáo viên.

Có thể nói rằng các giáo viên chưa nhận thức đầy đủ rằng học trực tuyến được xác định là các lớp học được truyền tải qua web đến những nơi khác ngoài các lớp học trực tiếp, nơi giáo viên có thể giảng dạy trong một cuộc họp ảo và sinh viên có thể nói chuyện và tương tác với giảng viên hoặc các sinh viên khác (Farrah & Bakry, 2020).

Một yếu tố khác ảnh hưởng đến sự tham kết của sinh viên như đã được chỉ ra trong nghiên cứu này là cảm giác tự hiệu quả của sinh viên. Các nghiên cứu thực nghiệm đã gợi ý rằng cảm giác tự hiệu quả có thể dự đoán sự hài lòng của sinh viên đối với việc học trực tuyến (Alqurashi et al., 2019).

**5.3. Những gợi ý cho việc dạy và học tiếng Anh trực tuyến trong giáo dục đại học
*5.3.1. Vai trò của sự tham kết trong học trực tuyến***Các kết quả của nghiên cứu này gợi ý rằng có thể là một ý tưởng tốt để bắt đầu một khóa học ngôn ngữ trực tuyến bằng cách tập trung vào tham kết hành vi, nơi mà người học đầu tư thời gian và công sức vào các nhiệm vụ và mục tiêu học ngôn ngữ nằm trong vùng phát triển của họ. Điều này có thể hữu ích trong việc phát triển thái độ và cảm xúc tích cực của sinh viên, từ đó điều chỉnh những yếu tố này trong các giai đoạn học tập khác nhau để họ trở nên tham kết cảm xúc hơn trong việc học.

***5.3.2. Vai trò của giáo viên trong việc nâng cao sự tham kết của người học
a. Điều chỉnh tài liệu***Từ những kết quả nghiên cứu, điều quan trọng là giáo viên cần nhận thức rõ vai trò của mình trong việc thích ứng tài liệu điện tử. Họ phải điều chỉnh các tài liệu được thiết kế để giảng dạy trực tiếp nhằm làm cho chúng phù hợp hơn với môi trường học trực tuyến. Các tài liệu sử dụng cho môi trường ảo nên được đơn giản hóa thành các phần nhỏ và dễ quản lý hơn, kèm theo hướng dẫn và giải thích rõ ràng.

***b. Thiết kế nhiệm vụ học tập***Các sinh viên tham gia nghiên cứu đã nhấn mạnh sự hứng thú của họ đối với các nhiệm vụ học trực tuyến thú vị và kích hoạt sự hợp tác trong học tập trực tuyến. Họ cũng ưa thích các nhiệm vụ liên quan đến các tình huống thực tế (Chương IV - Mục 4.5.1). Dựa trên các kết quả nghiên cứu, khuyến nghị rằng giáo viên nên chọn các nhiệm vụ mô phỏng các kịch bản thực tế, chẳng hạn như viết email, thuyết trình, hoặc tham gia vào các cuộc đối thoại mà sinh viên có thể gặp phải trong các môi trường nói tiếng Anh.

***c. Phản hồi lấy người học làm trung tâm***Phản hồi hiệu quả là nền tảng của việc học tiếng Anh trực tuyến thành công. Phản hồi không chỉ hướng dẫn sinh viên trong việc phát triển ngôn ngữ mà còn tạo động lực cho họ, khuyến khích tính tự chủ, và xây dựng một môi trường học tập hỗ trợ. Khi phản hồi kịp thời cho từng cá nhân và mang tính xây dựng, nó có thể cải thiện đáng kể trải nghiệm học tập và kết quả cho sinh viên học tiếng Anh trong môi trường trực tuyến.

***d. Đào tạo người học***Trong bối cảnh của nghiên cứu, sinh viên đã chuyển đổi đột ngột sang học trực tuyến do đại dịch COVID-19 mà không có nhiều sự chuẩn bị. Hệ quả là họ thiếu các kỹ năng học trực tuyến cần thiết và còn xa lạ với phương thức học tập này. Tuy nhiên, ngay cả trong thời gian bình thường, không phải tất cả sinh viên đều có đủ kỹ năng để học tập hiệu quả trong môi trường ảo. Do đó, việc đào tạo người học về các kỹ năng học trực tuyến là rất cần thiết để giúp họ thành công trong việc học.

**Tóm tắt chương**Chương này đã tóm tắt các kết quả của nghiên cứu hiện tại và thảo luận về chúng liên quan đến từng câu hỏi nghiên cứu. Kết quả cũng đã được xem xét trong mối liên hệ với các nghiên cứu trước đây có liên quan. Chương này đã đánh giá những đóng góp của nghiên cứu về mặt lý thuyết và phương pháp luận đối với nghiên cứu về sự tham kết trong học trực tuyến.

**CHƯƠNG VI: KẾT LUẬN**

**6.1. Tổng quan về nghiên cứu**
Mục tiêu chính của nghiên cứu hiện tại là điều tra sự tham kết của người học trong một khóa học trực tuyến tại một trường đại học ở Việt Nam, nơi tiếng Anh được giảng dạy như một môn học không chuyên, cũng như xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham kết của họ. Nghiên cứu cũng nhằm khám phá những lý do đằng sau sự tham kết trong học trực tuyến tiếng Anh tại trường đại học này. Để trả lời các câu hỏi nghiên cứu đã được đề ra, nghiên cứu trần thuật đã được áp dụng, sử dụng khung trần thuật như một công cụ thu thập dữ liệu, bổ sung bởi các cuộc phỏng vấn theo sau để kiểm tra lại thông tin từ các sinh viên tham gia nghiên cứu.

**6.2. Những gợi ý về phương pháp giảng dạy
*6.2.1. Tập trung vào sự tham kết của người học***Các kết quả của nghiên cứu này nhấn mạnh những tác động tương hỗ giữa động lực học tập và sự tham kết. Nghiên cứu cho thấy người học dường như quan tâm nhiều hơn đến việc đạt được điểm số thỏa đáng như một minh chứng cho việc hoàn thành khóa học. Điều này khiến họ tham kết về mặt hành vi nhiều hơn là về mặt nhận thức và cảm xúc. Để nâng cao sự tham kết như một khái niệm đa diện, cần nhấn mạnh vào các nhiệm vụ hấp dẫn và sự hỗ trợ từ giáo viên. Giáo viên cần thiết kế các nhiệm vụ học tập thu hút người học dựa trên kiến thức của họ và cung cấp nhiều phản hồi lấy người học làm trung tâm hơn như một hình thức hỗ trợ học tập.

***6.2.2. Vai trò của giáo viên trong môi trường học trực tuyến: định hướng trong bối cảnh mới***

Dữ liệu từ nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên thiếu sự hỗ trợ đầy đủ trong quá trình học trực tuyến, đặc biệt liên quan đến tài liệu và bài tập, dẫn đến sự giảm sút trong tham kết. Trong trường hợp này, thiếu sự chuẩn bị và đào tạo trước đó cho việc giảng dạy trực tuyến là một trong những nguyên nhân chính. Trong môi trường ảo, giáo viên cần nhận thức đầy đủ những điểm sau để thu hút sinh viên hiệu quả:

***Sự hỗ trợ của giáo viên***Trong các lớp học trực tuyến, giáo viên phải điều chỉnh các chiến lược hỗ trợ nội dung để phù hợp với các hình thức tương tác đặc thù có sẵn cho sinh viên so với các lớp học truyền thống. Đối với những người học ngôn ngữ ít kinh nghiệm hơn, chẳng hạn như sinh viên trẻ với kiến thức hạn chế trước đó, việc hỗ trợ nội dung hiệu quả trong môi trường trực tuyến có thể khác biệt đáng kể so với những gì thường thấy trong các bối cảnh học tập trực tiếp (Azevedo & Jacobson, 2008).

***Đào tạo giáo viên***Theo Albrahim (2020, tr. 9), để giảng dạy các khóa học trực tuyến hiệu quả, giáo viên cần sở hữu các kỹ năng như “(a) kỹ năng sư phạm, (b) kỹ năng nội dung, (c) kỹ năng thiết kế, (d) kỹ năng công nghệ, (e) kỹ năng quản lý và tổ chức, và (f) kỹ năng xã hội và giao tiếp.”

**6.3. Hạn chế của nghiên cứu và gợi ý cho nghiên cứu tương lai**

Thứ nhất, vì nghiên cứu này sử dụng phương pháp tiếp cận định tính, nên kết quả không thể được khái quát hóa, vì khái quát hóa không phải là mục đích thông thường của hình thức nghiên cứu này (Creswell, 2014).

Thứ hai, cũng có một hạn chế trong cách sự tham kết của sinh viên trong nghiên cứu này được xem xét và diễn giải.

Cuối cùng, nghiên cứu được thực hiện tại một trường đại học duy nhất và tập trung vào một nhóm sinh viên nhỏ đã chuyển đổi sang học trực tuyến trong thời kỳ đại dịch COVID-19.

Nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng phạm vi bằng cách xem xét sự tham kết của sinh viên với một nhóm tham gia đa dạng hơn và áp dụng các phương pháp thu thập dữ liệu khác, chẳng hạn như nhật ký của sinh viên. Các nghiên cứu dài hạn về các mô hình tham kết của sinh viên cũng còn khá hiếm, điều này gợi ý cần có những nghiên cứu trong tương lai về cách mà sự tham kết thay đổi theo thời gian. Hơn nữa, nghiên cứu hiện tại chưa khám phá sự tương tác giữa các khía cạnh khác nhau của sự tham kết, cho thấy đây là một lĩnh vực tiềm năng cho các nghiên cứu trong tương lai nhằm xem xét mối quan hệ tương tác giữa các khía cạnh khác nhau của sự tham kết.

**CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

Nguyễn Thị Thắng (2020). Nghiên cứu nhận thức của sinh viên về việc sử dụng Kahoot trong việc cải thiện sự tham kết và hợp tác của người học. *Tạp chí Nghiên cứu Ngôn ngữ và Văn hóa*, trang 420-431. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế: Nhà xuất bản Đại học Huế.

Nguyễn Thị Thắng (2020). Khám phá thái độ của sinh viên đối với hiệu quả của học tập di động với việc học tiếng Anh. *Diễn đàn lần thứ 10 về nghiên cứu giảng dạy tiếng Hán khu vực Đông Á dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh,* trang 541-550. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Thị Thắng (2021). Tìm hiểu về nhận thức của sinh viên trong việc sử dụng Hệ thống Quản lý học tập (LMS) trong khóa học tiếng Anh kết hợp tại một trường đại học. *Hội thảo khoa học quốc tế năm 2021 dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh*, trang 218-228. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Thị Thắng (2022). Thúc đẩy sự tham kết của sinh viên trong bối cảnh dạy học từ xa do đại dịch Covid 19 tại một trường đại học ở Việt Nam. *Hội thảo khoa học quốc tế năm 2022 dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh*, trang 563-574. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Thị Thắng, Phạm Thị Thanh Thủy (2022). Nhận thức của sinh viên tại một trường đại học ở Việt Nam về việc chuyển đổi bất ngờ sang học trực tuyến do đại dịch Covid 19: *Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế AsiaCALL lần thứ 19 - AsiaCALL Press,* 5243 Birch Falls Ln, Sugar Land, Texas, USA, 77479.

Nguyễn Thị Thắng (2023). Nghiên cứu trường hợp khám phá về sự tham kết của người học trong học tiếng Anh trực tuyến như một khái niệm đa diện trong giáo dục đại học ở Việt Nam. *Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế OPENTESOL lần thứ 11 năm 2023.* Nhà xuất bản Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Thắng (2023). Tìm hiểu nhận thức của sinh viên các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham kết của sinh viên trong học tập trực tuyến trong đại dịch Covid-19. *Hội thảo khoa học quốc tế năm 2023 dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh*, trang 580-593. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Thị Thắng (2024). Thúc đẩy sự tham kết của người học trong bối cảnh dạy học từ xa do đại dịch Covid-19 tại một trường đại học ở Việt Nam. *YMER, 23*, trang 823-840. Đại học Stockholm.

Nguyễn Thị Thắng, Melissa Barnes. Tính xã hội và sự tham kết của sinh viên trong học tập trực tuyến: Câu chuyện về sự tham kết của sinh viên năm nhất tại Việt Nam. Đào tạo Giáo viên Tiếng Anh (Thông báo hợp đồng: xuất bản vào tháng 11 năm 2024). NXB Palgrave-Macmillan.